TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG** Số: **12**/2020/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tuyên Quang, ngày 15 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 371/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 4 (tổ 10 cũ), phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

* Bị đơn: Anh **Hứa Minh Th**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 01, tổ 4 (tổ 10 cũ), phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H và anh Hứa Minh Th

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Nguyễn Thu H và anh Hứa Minh Th có một con chung là Hứa Hà Vy Anh, sinh ngày 04/6/2013; Giao con chung cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hứa Minh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Phương

thức cấp dưỡng, thực hiện định kỳ hằng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần. Anh Hứa Minh Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo có đơn yêu cầu thi hành án của quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thu H và anh Hứa Minh Th, không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Nguyễn Thu H và anh Hứa Minh Th không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thu H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, trả lại cho chị Nguyễn Thu H số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000171 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Anh Hứa Minh Th phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các đương sự ;
- UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan